

Bản án số: 04 /2019/HS-ST
Ngày 11 - 3 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thường
Ông Hoàng Văn Chính

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Nhất - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quang Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Lù Thanh Tiến - Kiểm sát viên.

Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên dự khuyết

Ngày 11/3/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện QB, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2019/ HSST ngày 30/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 26/02/2019 đối với bị cáo:

- Thên H, sinh năm 1986, tại huyện BQ, tỉnh Hà Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã V, huyện BQ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thên T, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Sùng T, sinh năm 1960; chồng: chưa có; con có 03 con, con lớn 14 tuổi, con nhỏ 5 tuổi; tiền sự: Không; tiền án: bị cáo có 02 tiền án: Tại bản án số 47/2005/HSST ngày 12/12/2005 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Giang xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo được hoãn thi hành án nhiều lần với lý do đang mang thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Hết thời hạn tạm hoãn bị cáo bị truy nã theo Quyết định truy nã số 152/QĐ-TN ngày 08/8/2014 của cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Hà Giang, đến ngày 28/2/2017 bị bắt truy nã để thi hành án; tại bản án số 457/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; nhân thân: Ngày 20/7/2009 bị cáo bị Công an huyện BQ, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản đã được coi là chưa bị xử phạt hành chính; tại bản án số 19 /2018/HS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện QB, tỉnh Hà Giang xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Phú Sơn 4, Tổng cục VIII Bộ Công an theo Quyết định chấp hành hình phạt tù số

31/2018/QĐ-CA ngày 30/1/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

- Anh Đoàn S, sinh năm 1994; nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn Y, huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Anh Hoàng V, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn Y, huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Chị Ma V, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 9, Phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt không có lý do.

- Chị Trương D, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện QB, tỉnh Hà Giang; vắng mặt có lý do.

- Anh Đặng T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện QB, tỉnh Hà Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thên H là phạm nhân được trích xuất từ Trại giam Phú Sơn 4 thuộc Tổng cục VIII Bộ Công an đến nhà tạm giữ Công an huyện QB, tỉnh Hà Giang để xét xử về tội Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức theo quy định tại Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999. Thời hạn trích xuất đến ngày 21/01/2019. Tại bản án số 19/2018/HSST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện QB, tỉnh Hà Giang tuyên phạt H 12 tháng tù về tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức theo quy định tại Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999. Trong thời gian đang chờ bản án có hiệu lực pháp luật H được giam giữ tại buồng tạm giam số 11 của Nhà tạm giữ Công an huyện QB, tỉnh Hà Giang. Khoảng 17 giờ ngày 01/12/2018 đồng chí Đoàn S là cán bộ quản giáo Đội Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp thực hiện nhiệm vụ chia cơm cho phạm nhân bị tạm giữ tại nhà tạm giữ Công an huyện QB, khi chia cơm đến buồng tạm giam số 11 của nhà tạm giữ đồng chí Đoàn S mở cửa buồng tạm giam số 11 để cho Thên H ra ngoài lấy cơm, sau đó không chờ để khóa cửa buồng tạm giam số 11 mà tiếp tục đi mở cửa các buồng tạm giam khác để chia cơm cho phạm nhân khác, H đi ra khỏi buồng giam đến vị trí chia cơm ở trong nhà tạm giữ, H lấy xuất cơm của mình mang vào trong buồng giam số 11 cất cơm ở trên bệ nằm rồi đi ra ngoài buồng giam, lúc này H đang mặc hai chiếc quần, bên ngoài là chiếc quần kẻ phạm nhân, H quan sát thấy cán bộ quản giáo đang chia cơm, anh S đang mở cửa buồng tạm giam phạm nhân khác, cổng nhà tạm giữ đang mở, H nảy sinh ý định bỏ trốn. H đi theo hiên nhà các buồng tạm giữ rồi đi qua cổng khu vực nhà tạm giữ, đi đến khu vực bể nước của nhà tạm giữ H cởi chiếc quần phạm nhân đang mặc bên ngoài, gấp gọn chiếc quần lại cầm chiếc quần ở trong tay rồi đi ra cổng khu vực nhà làm việc của Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp sau đó H tiếp tục đi theo đường L, đi được khoảng 170 mét thì H nhìn thấy một người nam giới không quen biết đang đi xe máy cùng chiều với H, H

vẫy tay để người đi xe máy dừng lại, H nói dối đang có việc gấp nên nhờ người này đưa ra thị trấn V, huyện B và H đưa cho người này 200.000 đồng tiền công. Người đi xe máy đồng ý và chở H đi theo đường Quốc lộ 279, khi đi đến đoạn đường Km 18 + 400 Quốc lộ 279 hướng QB - BQ thuộc địa phận thôn T, thị trấn Y, huyện QB H vứt bỏ chiếc quần phạm nhân ở lề đường, H đi đến thị trấn V, huyện B khoảng 17 giờ 40 phút, H xuống xe máy và thuê xe ô tô của một người không quen biết chở H đến thành phố T với giá 800.000 đồng. Khoảng 23 giờ 30 cùng ngày H đến thành phố T, tỉnh Thái Nguyên sau đó H vào nhà nghỉ T ở tổ 9, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên thuê phòng 5 để nghỉ trọ. Ngày 03/12/2018 cơ quan Công an huyện QB ra quyết định truy nã đối với H. Đến 23 giờ 45 phút ngày 07/12/2018 H bị bắt tại phòng 5 nhà nghỉ T ở tổ 9, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 29/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện QB, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Thèn H về tội trốn khỏi nơi giam theo quy định tại khoản 1 Điều 386 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Thèn H từ 10 đến 12 tháng tù.

Về vật chứng và nghĩa vụ chịu án phí đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời khai của những người làm chứng trùng khớp với lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện QB, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện QB trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với sơ đồ hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 01/12/2018 phạm nhân Thèn H đang bị tạm giam tại buồng giam số 11 của nhà tạm giữ Công an huyện QB đã lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác trong việc giám sát của cán bộ quản giáo trong lúc chia cơm cho các phạm nhân để trốn khỏi nơi giam là nhà Tạm giữ Công an huyện QB để đến nhà nghỉ T ở tổ 9, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để ở nhằm trốn tránh việc chấp hành hình phạt tù. Do vậy hành vi trên của bị cáo H đã phạm tội trốn khỏi nơi giam theo quy định

tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật Hình sự của Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Như vậy cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp, xâm phạm đến chế độ giam, giữ, cải tạo phạm nhân, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của cơ quan bảo vệ pháp luật, làm hạn chế hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có trình độ hiểu biết nhất định, nhận thức được rằng hành vi trốn khỏi nơi giam là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích để trốn tránh việc chấp hành hình phạt tù nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, cần phải xử lý nghiêm khắc tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 12/12/2005 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo đã bỏ trốn không chấp hành án; trong thời gian được hoãn thi hành án ngày 20/7/2009 bị cáo bị Công an huyện BQ, tỉnh Hà Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản. Sau khi làm giả được giấy tờ bị cáo lấy tên là Phạm T để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và năm 2017 bị Tòa án nhân thành phố T, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình tiết tăng nặng là tái phạm. Ngày 22/11/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện QB, tỉnh Hà Giang xử phạt 12 tháng tù về tội làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức với tình tiết tăng nặng là tái phạm nhưng bị cáo không lấy đó để làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp đã tái phạm mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo phòng ngừa chung.

Song lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Đối với anh Đoàn S, anh Hoàng V là cán bộ Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, là những người đã có thiếu sót trong ca trực ngày 01/12/2018, đã vi phạm các quy định về công tác quản giáo trong nhà tạm giữ, trại tạm giam. Tuy nhiên sự thiếu sót của anh V, anh S chưa gây hậu quả nghiêm trọng. Do đó không xem xét xử lý về mặt hình sự. Vì vậy đề nghị cơ quan Công an huyện QB, tỉnh Hà Giang xem xét, xử lý anh S, anh V theo quy định của Luật Công an nhân dân.

Đối với chị Ma V là chủ nhà nghỉ T ở tổ 9, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên đã có hành vi cho H thuê phòng nghỉ trong thời gian trốn khỏi nơi giam nhưng xét thấy chị V không biết việc H là phạm nhân đang bỏ trốn vì vậy không xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của người nam giới đi xe máy chở H từ địa phận huyện QB đến địa phận thị trấn V, huyện BQ và người nam giới lái xe ô tô chở H từ địa phận thị trấn

V đến nhà nghỉ T ở tổ 9, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình điều tra Cơ quan Công an không xác định được là ai và đã tách ra để giải quyết riêng. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- 01 chiếc quần vải kẻ dọc màu trắng đen (quần của phạm nhân nữ), cặp quần được luồn dây chun, ống quần dài 90 cm, rộng 23 cm là chiếc quần bị cáo mặc trên người trước lúc trốn khỏi nơi giam, là vật không còn giá trị sử dụng, vì vậy cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy A7, màu đen, mặt trước phía dưới góc phải màn hình có 01 vết nứt, vỡ, mặt sau thân máy có số Imei: 355758/08/461235/1 và 355759/08/461235/9 là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng có số sê ri lần lượt là KS 15873214 và QS16261286 là số tiền bị cáo được người nhà cho trong quá trình thăm gặp. Vì vậy cần xem xét trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 386; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56 của Bộ luật Hình sự;

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Thèn H phạm tội trốn khỏi nơi giam.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Thèn H 11 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 19/2018/HSST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân QB, tỉnh Hà Giang xử phạt 14 năm tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 14 năm 11 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/12/2018 được trừ đi thời gian bị cáo đã bị bắt lần 1 từ ngày 07/4/2009 đến ngày 24/4/2009, bắt lần 2 từ ngày 17/6/2013 đến ngày 28/7/2013 và thời gian đã chấp hành hình phạt tù từ ngày 28/02/2017 đến ngày 01/12/2018.

Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc quần vải kẻ dọc màu trắng đen (quần của phạm nhân nữ), cặp quần được luồn dây chun, ống quần dài 90 cm, rộng 23 cm.

Trả lại cho bị cáo: - 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy A7, màu đen, mặt trước phía dưới góc phải màn hình có 01 vết nứt, vỡ, mặt sau thân máy có số Imei: 355758/08/461235/1 và 355759/08/461235/9;

- 02 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 500.000 đồng có số sê ri lần lượt là KS 15873214 và QS16261286.

Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện QB, tỉnh Hà Giang ngày 29/01/2019.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố Tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Thèn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ, (*Hai trăm nghìn đồng*).

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV06, PC10 Công an tỉnh;
- VKSND huyện QB;
- CA huyện QB;
- CCTHADS huyện QB;
- UBND xã V;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Phương